

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC  
XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ: .....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Ngôn ngữ học; Chuyên ngành: Ngôn ngữ học liên ngành

#### A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Tuấn Cường
2. Ngày tháng năm sinh: 25/5/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh.....; Tôn giáo: (không)
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: An Dục, Quỳnh Phụ, Thái Bình
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 110A, Tập thể Đồng Xa, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): P. 511, N09-B1B, đường Thành Thái, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng; Điện thoại di động: 0983525080; E-mail: [cuonghannom@gmail.com](mailto:cuonghannom@gmail.com)

#### 7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2004 đến tháng 9/2014: giảng dạy và nghiên cứu Hán Nôm, làm giảng viên Bộ môn Hán Nôm, Khoa Văn học, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội

Từ tháng 10/2014 đến tháng 10/2015: nghiên cứu Hán Nôm và quản lý đơn vị, làm Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Từ tháng 11/2015 đến nay: nghiên cứu Hán Nôm và quản lý đơn vị, làm Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hán Nôm, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Từ năm 2016 đến nay: Phó Trưởng khoa Khoa Hán Nôm, Học viện Khoa học xã hội, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay: Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nghiên cứu Hán Nôm, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN

Địa chỉ cơ quan: 183 Dặng Tiến Đông, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438574640

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....



Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 6 năm 2003, ngành: Hán Nôm,

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 6 năm 2003, ngành: tiếng Trung,

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Ngoại ngữ, Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 16 tháng 1 năm 2006, ngành: Hán Nôm,

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 21 tháng 9 năm 2012, ngành: Ngữ văn, chuyên ngành: Hán Nôm

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS cơ sở: Học viện Khoa học xã hội, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS ngành: Ngôn ngữ học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu văn tự học chữ Nôm

- Nghiên cứu phiên dịch học Hán – Nôm

- Nghiên cứu lịch sử từ vựng tiếng Việt (qua ngữ liệu Hán Nôm)

- Nghiên cứu giáo dục ngôn ngữ văn tự cổ điển ở Việt Nam (qua văn bản Hán Nôm)

- Nghiên cứu văn hiến cổ điển Việt Nam (qua văn bản Hán Nôm)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS

- Đã hoàn thành (số lượng) 01 đề tài NCKH cấp Bộ (Chủ nhiệm đề tài);

- Đã công bố (số lượng) 48 bài báo KH, trong đó 13 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín (một chuyên khảo cá nhân ở trong nước, một sách tham khảo đồng tác giả trong nước, một sách tham khảo đồng chủ biên ở nước ngoài);

- Số lượng... tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

(a) Sách chuyên khảo: Nguyễn Tuấn Cường, *Điều cách cấu trúc chữ Nôm Việt (qua các bản dịch Nôm Kinh Thi)*, Nxb ĐHQGHN, 2012, ISBN: 9786046207450, 402 trang.

(b) Sách đồng chủ biên xuất bản ở nước ngoài: 何華珍、阮俊強  
主编, 《東亞漢籍與越南 漢喃古辭書研究》, 北京: 中國社會科學院出版社, 2017,  
ISBN: 978-7-5203-0982-0. // Hà Hoa Trần, Nguyễn Tuấn Cường chủ biên, *Nghiên cứu Hán*  
*tịch Đông Á và Từ điển cổ Hán Nôm Việt Nam*, Bắc Kinh: Trung Quốc Xã hội khoa học Xuất  
bản xã, 2017, ISBN: 978-7-5203-0982-0, 520 trang.

(c) Tạp chí khoa học quốc tế: Nguyễn Tuấn Cường 阮俊强 (2013),  
《文字、语言与思想的本土化: 关于古代越南儒家经典翻译问题》, 《中国学》第三辑,  
2013, 103-124页。ISBN: 9787208118881. // “Bản địa hóa văn tự, ngôn ngữ và tư tưởng: Về  
vấn đề phiên dịch kinh điển Nho gia ở Việt Nam thời Trung đại”, tạp chí *Trung Quốc học*, tập  
3, 2013, tr. 103-124. ISBN: 9787208118881. (Trung Quốc)

(d) Tạp chí khoa học quốc tế: Nguyễn Tuấn Cường (2015), “The *Sanzijing* (三字經)  
and Primary Education in Premodern Vietnam” (*Tam tự kinh* và giáo dục tiểu học chữ Hán ở  
Việt Nam thời tiền hiện đại), *The International Journal of Chinese Character Studies*, 2015,  
Vol. 1, No. 2, pps. 33-54, ISSN: 2384-3152. (Hàn Quốc)

(e) Tạp chí khoa học quốc tế SCOPUS: Nguyễn Tuấn Cường  
阮俊強, 《書院與木雕版在東亞儒家知識的傳播: 越南教育家阮輝鑑及其1766—176年  
出使中國的案例研究》 (Trường học và mộc bản trong sự truyền bá tri thức Nho học Đông  
Á: Nghiên cứu trường hợp chuyễn đi sứ Trung Quốc năm 1766-1767 của nhà giáo dục Việt  
Nam Nguyễn Huy Oánh), *Taiwan Journal of East Asian Studies*, Vol. 15, No. 2 (Issue 30),  
Dec. 2018, pp. 43-68, ISSN: 1812-6243 (Chi số SCOPUS, xuất bản tại Đài Loan).

### 15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): 03

- Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc “Đã có  
thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học năm 2017”, quyết định số 796/QĐ-  
KHXH kí ngày 15/5/2018.

- Giải thưởng “Công trình khoa học và công nghệ của nhà khoa học trẻ Đại học Quốc  
gia Hà Nội năm 2014” cho chuyên khảo *Diện cách cấu trúc chữ Nôm Việt* (Nhà xuất bản Đại  
học Quốc gia Hà Nội, 2012), số quyết định 4675/QĐ-ĐHQGHN kí ngày 11/2/2014.

- Giải thưởng “Giải khuyến khích – Sách Hay” của Hội xuất bản Việt Nam cho chuyên  
khai *Diện cách cấu trúc chữ Nôm Việt* (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012), số  
quyết định khen thưởng 40-2013-HXBVN kí ngày 26/11/2013.

### 16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): (không)

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

- Về đào tạo và quản lý đào tạo: tôi đã tham gia đào tạo, giảng dạy bậc đại học từ năm  
2004 tới tháng 9/2014 (hơn 10 năm) với tư cách giảng viên chính ngạch, từ tháng 10/2014 đến  
nay với tư cách giảng viên kiêm nhiệm tại Bộ môn Hán Nôm, Khoa Văn học, Trường Đại học  
Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Đồng thời, từ năm 2016 tôi được bổ  
nhiệm chức vụ Phó Trưởng khoa (chưa có Trưởng khoa) của Khoa Hán Nôm, Học viện Khoa  
học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam để tham gia vào quá trình đào tạo và  
quản lý đào tạo bậc sau đại học ở Khoa Hán Nôm. Trong thời gian làm giảng viên chính ngạch  
và giảng viên thỉnh giảng, cũng như tham gia vào việc quản lý đào tạo sau đại học, tôi đã phát  
huy tốt năng lực giảng dạy, hoàn thành tốt các công việc đào tạo, hướng dẫn và quản lý đào  
tạo tại các đơn vị, được lãnh đạo, đồng nghiệp, sinh viên và học viên cao học đánh giá cao về  
khả năng chuyên môn Hán Nôm cũng như sự nhiệt tình trong công việc.

- Về nghiên cứu khoa học: Trong thời gian từ năm 2004 đến nay, tôi đã tập trung vào  
chuyên môn nghiên cứu khoa học, công bố được hơn 40 bài nghiên cứu ở trong nước; hơn 10  
bài nghiên cứu xuất bản ở nước ngoài (tiếng Anh, tiếng Trung) trong đó có 1 bài tạp chí

Scopus; có 1 sách chuyên khảo in riêng; 2 sách dịch; một số sách in chung ở trong nước; và 1 cuốn sách đồng chủ biên được xuất bản ở nước ngoài (Bắc Kinh, Trung Quốc) bằng tiếng Trung Quốc. Tôi đã phát triển học thuật theo hướng quốc tế hóa, được mời tham dự hơn 30 hội thảo quốc tế ở nước ngoài, tham dự một số đề tài nghiên cứu khoa học ở trong nước và ngoài nước (Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản). Tôi đã nỗ lực để vừa làm tốt công tác nghiên cứu và công bố ở trong nước, cũng vừa tích cực tham gia hoạt động học thuật và công bố quốc tế theo tinh thần chỉ đạo thúc đẩy về hội nhập quốc tế của Nhà nước và đơn vị..

- Về đạo đức nhà giáo và đạo đức học thuật: trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi luôn đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nhà giáo và đạo đức trong nghiên cứu khoa học, giữ mối quan hệ hoà đồng với đồng nghiệp và sinh viên, đảm bảo giữ . không để xảy ra các sai sót về những bình diện này.

- Về học tập và nâng cao trình độ: Trong quá trình làm việc với tư cách một nhà giáo, tôi luôn nỗ lực trau dồi kĩ năng giảng dạy và nghiên cứu, tích cực học hỏi và tự học để nâng cao trình độ, bắt nhịp với các biến chuyển học thuật ở trong nước và trên thế giới. Tôi đã đi tu nghiệp 6 tháng tại Nhật trong thời gian làm Luận án tiến sĩ; đi nghiên cứu với tư cách học giả khách mời (visiting scholar) tại Viện Harvard-Yenching, Đại học Harvard (Mỹ) trong thời gian 10 tháng. Tôi nỗ lực bồi dưỡng kĩ năng ngoại ngữ phục vụ chuyên môn, sử dụng thành thạo tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, có thể sử dụng tiếng Nhật giao tiếp đơn giản.

## 2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 16 năm (2004-2019), trong đó từ năm 2004 đến tháng 9 năm 2014 (hơn 10 năm) làm việc với tư cách giảng viên chính nhiệm (mã ngạch: Giảng viên) tại Bộ môn Hán Nôm, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ tháng 10/2014 tôi chuyển công tác sang Viện Nghiên cứu Hán Nôm (mã ngạch: Nghiên cứu viên), đồng thời là giảng viên thỉnh giảng tại Bộ môn Hán Nôm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014				03	75		75
2	2014-2015					105		105
3	2015-2016				01	105		105
3 năm học cuối								
4	2016-2017			01 (đã nhận bằng = 70 giờ quy đổi)		105		175
5	2017-2018			01 (đã nhận bằng = 70 giờ quy đổi)		105		175
6	2018-2019					105	30 (=45 giờ quy đổi)	150

## 3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Trung Quốc, tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài  :

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm .....đến năm .....
- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; Tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước  : tiếng Trung Quốc

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ, số bằng: B471208; năm cấp: 20/6/2003

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : .....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đổi tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ .... đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Lê Thanh Hà		X			2016	Trường ĐH KHXH và Nhân văn	16/12/2016
2	Nguyễn Đình Hung		X			2016-2018	Trường ĐH KHXH và Nhân văn	8/3/2018

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

- Trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ: 0
- Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ: 3 sách:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phản biên soạn	Xác nhận của CS GD&ĐT (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Điều cách cấu trúc chữ Nôm Việt	Chuyên khảo	ĐHQGHN, 2012	1	Viết một mình	Văn bản số 2840/XHNV- ĐT kí ngày 16/7/2019
2	Nghiên cứu Nôm từ hướng tiếp cận liên ngành	Sách tham khảo	Nxb Từ điển bách khoa, 2013	5	Phản biên soạn 93 trang: 81-116; 139- 186; 261-272	Văn bản số 2840/XHNV- ĐT kí ngày 16/7/2019

3	東亞漢籍與越南 漢喃古辭書研究 (Nghiên cứu Hán tịch Đông Á và Từ thư cổ Hán Nôm Việt Nam)	Sách tham khảo	中國社會科 學院出版社 (Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc), 2017		Đồng chủ biên	Văn bản số 2840/XHNV- ĐT kí ngày 16/7/2019
---	---	-------------------	---	--	------------------	---

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

**Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Nghiên cứu các nguồn tư liệu Hán Nôm để hoàn thiện cuốn sách <i>Một số tư liệu Hán Nôm khẳng định chủ quyền lịch sử của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa</i>	Chủ nhiệm đề tài	Mã số: 2017- 62- 1294/KQNC  Đề tài cấp Bộ do Viện Hàn lâm KHXH VN quản lý	6/2015- 12/2016	13/10/2017

**Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

##### 7.1. Bài báo khoa học đã công bố: **tổng cộng 48 bài** (35 bài trong nước, 13 bài quốc tế)

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

###### 7.1.a. Trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ: 14 bài

- Bài tạp chí khoa học trong nước (trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ): 12 bài

TT	Tên bài tạp chí	Số tác giả	Tên tạp chí	Số trích dẫn của bài báo	Tập /số	Trang	Năm công bố
1.	Nghiên cứu cấu trúc chữ Nôm hậu kì từ cấp độ hệ thống văn tự và đơn vị văn tự	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		4	37-58	2011
2.	Tiếng vang và cái bóng: Khảo luận nhan đề tác phẩm <i>Vang bóng một thời</i> của Nguyễn Tuân (qua ngữ liệu chữ Hán, Nôm, Quốc ngữ)	1	<i>Ngôn ngữ</i>		6	46-55	2011
3.	Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn và những cống hiến trong nghiên cứu chữ Nôm	1	<i>Từ điển học và Bách khoa thư</i>		3	126- 131	2011
4.	Nghiên cứu về <i>Tú thư ước giải</i> (lược tả văn bản và giải đọc bài Tựa của Lê Quý Đôn)	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		6	37-49	2010
5.	<i>Truyện Kiều</i> :Thêm một chứng cứ đe	1	<i>Tạp chí Hán</i>		2	63-66	2010

	đọc ‘hồ cầm một trương’ chứ không phải ‘hồ cầm Ngái Trương’		<i>Nôm</i>				
6.	Đọc Khái luận văn tự học chữ Nôm của GS.TSKH. Nguyễn Quang Hồng	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		4	74-78	2009
7.	Tư liệu Kinh Thi chữ Nôm: Lược quan về trữ lượng, đặc điểm, giá trị	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		1	48-64	2007
8.	<i>Truyện Kiều</i> : thử tìm một âm đọc cổ của chữ Nôm vẫn đọc là dân/giản	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		5	58-64	2005
9.	<i>Thi kinh giải âm</i> : Văn bản sớm nhất hiện còn in theo vần khắc năm Vĩnh Thịnh 1714	2	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		3	36-52	2005
10.	Đi tìm “Lâm Noạ Phu” (người san cài nên bản Kiều Nôm 1870)	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		3	7-12	2004
11.	Hai bài thơ chữ Hán xếp hình ngọn núi	2	<i>Ngôn ngữ và Đời sống</i>		8	19-20	2003
12.	Về chữ THÌN trong bản <i>Kiều</i> Nôm Liễu Văn đường 1871	1	<i>Ngôn ngữ</i>		9	44-47	2003

- Bài kí yếu hội thảo quốc tế ở Việt Nam (trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ): 01 bài

TT	Tên bài kí yếu hội thảo quốc tế	Số tác giả	Kỹ yếu khoa học	Nhà xuất bản	Số trích dẫn của bài báo	Trang	Năm công bố
13.	Khảo sát tác động của các tạo tố ngoại lai tới cấu trúc loại chữ Nôm mượn âm Phí Hán Việt	1	<i>Nghiên cứu chữ Nôm</i>	Khoa học Xã hội		83-98	2006

- Bài kí yếu hội thảo quốc gia (trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ): 01 bài

TT	Tên bài kí yếu hội thảo quốc gia	Số tác giả	Kỹ yếu khoa học	Nhà xuất bản	Số trích dẫn của bài báo	Trang	Năm công bố
14.	Sơ bộ nghiên cứu vần khắc và văn bản bản giải âm <i>Lí tướng công chép sự minh ti</i>	1	<i>Thông báo Hán Nôm học năm 2004</i>	Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản		83-105	2005

7.1.a. Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ: 34 bài

- Bài tạp chí khoa học trong nước (sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ): 15 bài

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Số trích dẫn của bài báo	Tập /số	Trang	Năm công bố
15.	Translation and Reception of China's <i>Shijing</i> in Medieval Vietnam	2	<i>Vietnam Social Sciences</i>		6	41-53	2018
16.	Tracing Origin of Phrase ‘đòi mội’ in Nguyen Du’s <i>Tale of Kieu</i>	1	<i>Vietnam Social Sciences</i>		5	61-72	2017
17.	Tàng thư và học đường: Nguồn gốc và diễn biến của từ gốc Hán “書院” (shuyuan/thư viện) ở Đông Á	1	<i>Từ điển học và Bách khoa thư</i>		5	37-43	2018
18.	Tìm hiểu thuật ngữ ‘Then’ Tày từ góc độ ngữ văn học qua các văn bản Nôm Tày	2	<i>Từ điển học và Bách khoa thư</i>		2	3-11+22	2017
19.	Phiên dịch và giáo dục Hán văn tại Việt Nam: Mục đích phiên dịch kinh điển Nho gia qua góc nhìn trong cuộc của các tác giả trung đại	2	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		5	23-40	2017
20.	Lĩnh vực nghiên cứu Hán Nôm nhìn từ bối cảnh đầu thế kỷ 21	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		2	1-20	2017
21.	Dịch Nôm kinh điển Nho gia tại Việt Nam nhìn từ khía cạnh tư liệu, phiên dịch, và thông diễn kinh điển	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		2	12-29	2016
22.	<i>Tam tự kinh</i> tại Việt Nam: Truyền nhập và cải biên	1	<i>Từ điển học và Bách khoa thư</i>		5	19-27	2015

23.	Lược khảo sách <i>Tam tự kinh</i> tại Trung Quốc và việc lưu truyền ra nước ngoài	1	<i>Từ điển học và Bách khoa thư</i>		3	31-37	2015
24.	Tập đại thành văn hiến Nho học nhìn từ việc biên soạn ba bộ Nho Tạng	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		5	12-32	2015
25.	Giáo dục Hán học trong biến động văn hóa xã hội: Viện Hán học Huế 1959-1965	1	<i>Nghiên cứu và Phát triển</i>		7-8	135-164	2014
26.	Tiếp cận văn bản học với <i>Tứ thư ước giải</i>	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		2	27-45	2014
27.	Phác thảo phương hướng biên khảo bản <i>Truyện Kiều</i> tóm nguyên tập giải trong điều kiện mới	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		1	29-45	2013
28.	Tính tuổi ba chị em Thúy Kiều bằng... ngữ pháp	1	<i>Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư</i>		2	119-121	2013
29.	Điền cách Chu từ học tại Việt Nam: Từ <i>Tứ thư chương cù</i> tập chú đến <i>Tứ thư ước giải</i>	1	<i>Tạp chí Hán Nôm</i>		5	3-21	2012

- Bài kỉ yếu hội thảo quốc tế ở Việt Nam (sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ): 03 bài

TT	Tên bài kỉ yếu hội thảo quốc tế	Số tác giả	Kỷ yếu khoa học	Nhà xuất bản	Số trích dẫn của bài báo	Trang	Năm công bố
30.	Đặt vấn đề nghiên cứu Nho giáo miền Nam Việt Nam qua các thực hành văn hóa	1	<i>Nghiên cứu Nho giáo Việt Nam: Quan điểm và phương pháp</i>	Đại học Quốc gia Hà Nội		57-78	2018
31.	Giải đọc văn bản bằng từ nguyên học: Trường hợp cụm từ “như tờ” trong <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du	1	<i>Di sản văn chương Đại thi hào Nguyễn Du 250 năm nhìn lại</i>	Khoa học Xã hội		562-570	2015
32.	Nghiên cứu điền cách cấu trúc chữ Nôm qua các nhóm ngôn từ đồng nhất (trong bốn bản giải âm <i>Kinh Thi</i> )	1	<i>Việt Nam học – Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ tư: Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững</i> , tập VI	Khoa học xã hội		35-58	2013

- Bài kỉ yếu hội thảo quốc gia (sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ): 03 bài

TT	Tên bài kỉ yếu hội thảo quốc gia	Số tác giả	Kỷ yếu khoa học	Nhà xuất bản	Số trích dẫn của bài báo	Trang	Năm công bố
33.	Giải đọc hai câu đầu bài kệ của Thiền sư Quảng Nghiêm từ góc nhìn văn thể học và văn hiến học	1	<i>Nghiên cứu Hán Nôm năm 2017</i>	Thế giới		297-318	2017
34.	Nguyễn Du trong lòng miền Nam: Lược thuật các hoạt động văn hóa học thuật kỉ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du tại miền Nam năm 1965	1	<i>Đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa Nguyễn Du: Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỉ niệm 250 năm năm sinh Nguyễn Du</i>	Đại học Quốc gia TP HCM		770-288	2015
35.	Đào tạo chữ Nôm ở bậc đại học ngành Hán Nôm nhìn từ góc độ công nghệ đào tạo	1	<i>40 năm đào tạo và nghiên cứu Hán Nôm (1972-2012)</i>	Đại học Quốc gia HN		113-132	2013

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS: 13 bài

TT	Tên bài tạp chí quốc tế	Số tác giả	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập /số	Trang	Năm công bố
36.	書院與木雕版在東亞儒家知識的傳播：越南教育家阮輝傑及其1766—1767年出使中國的案例研究	1	<i>Taiwan Journal of East Asian Studies</i> (Đài Loan) (SCOPUS)		2	43-68	2018
37.	Buddhist Print Culture in the Nineteenth-Century Northern Vietnam: A Case Study of the Woodblock Collection in Khê Hồi Temple	3	<i>Journal of Vietnamese Studies</i> (Mỹ)		2	143–156	2018
38.	越南古文献中汉字与喃字的双存现象初考——以小学教材为考察中心	1	<i>Journal of Chinese Writing Systems</i> (Anh)		2	143–156	2018
39.	越南漢喃研究院所藏漢喃資料的歷史、特徵與前瞻	1	東亞漢籍與越南漢喃古辭書研究 (kết yếu hội thảo quốc tế ở nước ngoài) (Trung Quốc)			1–13	2017
40.	西學東漸與書籍交流：近代越南《新訂國民讀本》的歐亞旅程	2	中正漢學研究 (Đài Loan, THCI-core)		2	177-205	2017
41.	集句、集意、創新：越南蒙書〈明道家訓〉的文獻學研究	1	東亞文獻研究 (Hàn Quốc)		20	187-206	2017
42.	越南10世紀到19世紀的漢字六言詩研究	2	中正漢學研究 (Đài Loan, THCI-core)		1	115-146	2017
43.	朱熹的经学与解经语言在古代越南的沿革：从〈四书章句集注〉到〈四书约解〉的案例研究	1	国际汉学 (Trung Quốc, CSSCI)		2	128-139	2016
44.	The <i>Sanzijing</i> (三字經) and Primary Education in Premodern Vietnam	1	<i>The International Journal of Chinese Character Studies</i> (Hàn Quốc, KCI)		2	33-54	2015
45.	The Promotion of Confucianism in South Vietnam 1955-1975 and the Role of Nguyễn Đăng Thục as a New Confucian Scholar	1	<i>Journal of Vietnamese Studies</i> (Mỹ)		4	30-81	2015
46.	接受、改编、创新：〈三字经〉在古代越南考论	1	域外汉籍研究集刊 (Trung Quốc, CSSCI)		11	381-410	2015
47.	文字、语言与思想的本土化：关于古代越南儒家经典翻译问题	1	中国学 (Trung Quốc)		3	103-124	2013
48.	经学与文学：〈诗经〉在古代越南的翻译与接受	1	世界汉学 (Trung Quốc)		12	102-114	2013

## 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	------------

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:
- Giờ chuẩn giảng dạy:
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Hướng dẫn NCS, ThS:

#### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2019  
Người đăng ký

Nguyễn Tuấn Cường

#### **D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NOI ĐANG LÀM VIỆC**

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên đã kê khai.

Các thông tin cá nhân ứng viên đã kê khai là trung thực.

- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

Ứng viên đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ công tác tại đơn vị.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2019

KT. VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU

HÁN NÔM



TS Nguyễn Hữu Mùi